

Receiving a delivery

配達の荷物を受け取る



SAY THIS / こう言おう

ありがとうございます。

Arigatō gozaimasu.

- 🇬🇧 Thank the delivery worker when you receive your parcel.
- 🇻🇳 Cảm ơn nhân viên giao hàng khi nhận bưu kiện.
- 🇧🇷 Agradeça ao entregador ao receber a encomenda.
- 🇵🇭 Magpasalamat sa tagapaghatid kapag tinanggap ang parsela.
- 🇨🇳 收到包裹时向配送员道谢。
- 🇮🇩 Berterima kasih kepada kurir saat menerima paket.
- 🇯🇵 荷物を受け取って配達員さんにお礼を言う時に。